

# Hempathane Topcoat 55210

## Đặc tính sản phẩm

### Mô tả sản phẩm

Hempathane Topcoat 55210 là sơn phủ polyurethane bóng, lưu hóa bằng isocyanate béo, sơn có độ bóng và giữ màu rất tốt.

Tuân thủ Chỉ thị EU 2004/42/EC, Chỉ thị Sơn về giới hạn của các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi: phân loại phụ j.

### Khuyến cáo sử dụng

Hempathane Topcoat 55210 được khuyến dùng làm sơn hoàn thiện bảo vệ thép kết cấu trong môi trường không khí có tính ăn mòn cao, sơn yêu cầu bền màu và khả năng duy trì độ bóng.

### Nhiệt độ sử dụng

- Tối đa, chỉ trong môi trường khô: 120°C [248°F].

### Chứng nhận / Phê duyệt

- Loại EC đã kiểm tra là vật liệu cháy chậm khi sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Vui lòng tham khảo "Tuyên bố Phù hợp" ở [hempel.com](http://hempel.com) để biết thêm chi tiết.
- Đã thử nghiệm phản ứng với lửa (trong khuôn khổ của hệ thống sơn phủ với lớp sơn lót và lớp sơn phủ cuối cùng đã được phê duyệt) theo EN13501-1 B-s1, d0.

### Tính năng

- Đối với môi trường không khí có tính ăn mòn cao.
- Nhiệt độ tối thiểu để sơn lưu hóa là -10°C [14°F].
- Bóng với độ bóng và giữ màu rất tốt.

## An toàn sản phẩm

Điểm chớp cháy 33°C [91°F]

## Hàm lượng VOC sản phẩm trộn

Cơ sở pháp lý	Giá trị
EU	446 g/L [3,72 lb/US gal]
Hoa Kỳ (sơn phủ)	446 g/L [3,72 lb/US gal]
Hoa Kỳ (định kỳ)	446 g/L [3,72 lb/US gal]
Canada	446 g/L [3,72 lb/US gal]
Trung Quốc	446 g/L [3,72 lb/US gal]
Hồng Kông	446 g/L [3,72 lb/US gal]
Hàn Quốc	446 g/L [3,72 lb/US gal]

Theo quy tắc cụ thể, xem chi tiết trong phần Chú giải trên trang web của Hempel ([hempel.com](http://hempel.com)) hoặc trang web Hempel dành cho địa phương của bạn. Giá trị VOC có thể thay đổi theo loại sơn bóng, vui lòng tham khảo Bảng dữ liệu an toàn, phần 9. <sup>a</sup>Chỉ thị 2004/42/CE của EU.

### Đưa vào sử dụng

Xử lý thận trọng. Trước và trong khi sử dụng, tuân thủ nhãn an toàn trên bao bì và thùng chứa sơn và tuân theo tất cả các quy định an toàn tại địa phương và quốc gia. Luôn tham khảo Bảng dữ liệu an toàn của Hempel cho sản phẩm này cùng với Bảng thông số sản phẩm.

Chỉ sử dụng ở môi trường chuyên nghiệp.

## Dữ liệu sản phẩm

### Mã sản phẩm

55210

### Thành phần có trong sản phẩm

Phần A 55219

Chất đóng rắn 95370

### Màu tiêu chuẩn / mã màu

Trắng 10000 \*

Có nhiều màu sắc khác nhau trong hệ thống Hempel's tinting.

# Hempathane Topcoat 55210

## Độ bóng

Độ bóng

## Hàm lượng chất rắn theo thể tích

51 ± 2%

## Trọng lượng riêng

1,2 kg/L [10 lb/US gal]

## Độ dày lớp sơn khô tham chiếu

50 micron [2,0 mils]

## Màu nhôm / mã màu

Xám ánh kim 19002

## Độ bóng

Vui lòng tham khảo Hướng dẫn của Hempel về sơn có chất tạo màu chứa nhôm

## Thể tích sơn khô

48 ± 2%

## Trọng lượng riêng

1,1 kg/L [9 lb/US gal]

## Độ dày lớp sơn khô tham chiếu

50 micron [2,0 mils]

## Xử lý bề mặt

### Độ sạch

- Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

### Đóng mới:

- Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

### Bảo trì và Sửa chữa

- Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

Tham khảo Hướng dẫn Xử lý Bề mặt riêng của Hempel để biết thêm chi tiết.

## Thi công sơn

### Tỉ lệ pha trộn

Phần A 55219 : Chất đóng rắn 95370

(7 : 1 theo thể tích)

Khuấy đều trước khi sử dụng.

### Dung môi pha loãng

Hempel's Thinner 08080

### Chất làm sạch

Hempel's Thinner 08080

Hempel's Thinner 08510

### Thời gian sống sau khi trộn

Nhiệt độ sản phẩm	10°C [50°F]	20°C [68°F]
Thời gian sống sau khi trộn	6 giờ	4 giờ

### Phương pháp sơn

Công cụ	Pha loãng thể tích tối đa	Thông số ứng dụng
Phun sơn không dùng khí nén	10%	Áp lực tại đầu béc phun: 150 bar [2200 psi] Cỡ béc phun: 0.017-0.019"
Phun sơn dùng khí nén	10%	Không áp dụng

Nếu sử dụng cọ quét hoặc con lăn, sẽ cần sơn nhiều lớp để đạt được độ dày sau khi khô quy định. Để tuân thủ quy định VOC của Hàn Quốc, giới hạn pha loãng tối đa 1%. Dữ liệu máy phun mang tính biểu thị và có thể bị điều chỉnh. Áp suất cho nhiệt độ vật liệu 20°C [68°F].

# Hempathane Topcoat 55210

## Độ dày lớp sơn

Dải thông số kỹ thuật	Thấp	Cao	Khuyến dùng
Độ dày màng sơn khô	40 micron [1,6 mils]	80 micron [3,2 mils]	50 micron [2,0 mils]
Độ dày màng sơn ướt	78 micron [3,1 mils]	157 micron [6,3 mils]	98 micron [3,9 mils]
Định mức phủ lý thuyết	13 m <sup>2</sup> /L [530 sq ft/US gal]	6,4 m <sup>2</sup> /L [261 sq ft/US gal]	10 m <sup>2</sup> /L [407 sq ft/US gal]

Sản phẩm có thể được chỉ định với độ dày lớp sơn khác so với thông số tùy theo mục đích và khu vực sử dụng. Điều này sẽ thay đổi tốc độ tán sơn, thời gian khô và lưu hóa và khoảng thời gian sơn lại. Để có hiệu quả tốt nhất, hãy tránh sơn lớp sơn quá dày.

## Điều kiện thi công sơn

- Để tránh ngưng tụ, sơn trên bề mặt sạch và khô với nhiệt độ tối thiểu bằng 3°C [5°F] trên điểm đọng sương.
- Nhiệt độ bề mặt phải trên -10°C [14°F] trong thời gian sơn và lưu hóa.
- Màng sơn có thể bị ảnh hưởng xấu do mưa nhẹ, độ ẩm cao và/hoặc ngưng đọng trong khi sơn và thời gian sau khi sơn: "10 giờ, 20°C/68°F".

## Độ ẩm tương đối:

- Độ ẩm tương đối phải dưới 85% trong thời gian lưu hóa.

## Lưu ý khi sơn

- Có thể cần sơn hai lớp phủ cuối cùng để có thể phủ hoàn toàn.

## Thời gian khô và lớp phủ kế

### Sản phẩm tương thích

- Lớp sơn trước: Theo Thông số kỹ thuật của Hempel. Các sản phẩm khuyến dùng là: Hempaprime Multi 500, Hempadur
- Lớp sơn kế: Không có.

## Thời gian khô sơn

Nhiệt độ bề mặt	-10°C [14°F]	0°C [32°F]	20°C [68°F]	40°C [104°F]
Khô sờ được	giờ	2½	1½	¾
Khô bề mặt	phút	-	-	60
Khô/đóng rắn hoàn toàn	ngày	-	-	7

Được xác định cho độ dày màng sơn bằng 50 micron [2.0 mils] ở điều kiện tiêu chuẩn, xem phần Chú giải của Hempel để biết thêm chi tiết.

## Lớp phủ

Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi hướng dẫn trong bảng sơn phủ

Tên phẩm chất	-10°C [14°F]	0°C [32°F]	20°C [68°F]	40°C [104°F]
	Khô khí quyển, trung bình			
Hempathane Topcoat 55210	Tối thiểu Tối đa	30 giờ Mở rộng*	18 giờ Mở rộng	6 giờ Mở rộng
				100 phút Mở rộng

Sản phẩm có cùng tính chất hóa học sẽ cho biết số lần sơn phủ. Tham khảo thông số kỹ thuật của Hempel để biết thêm thông tin.

## Điều kiện khô sơn

- Để đạt được thời gian khô sơn như đã nêu, quan trọng là phải duy trì đủ thông gió trong quá trình sơn, chờ khô và đóng rắn.
- Nên tránh ngưng đọng ở lớp sơn vừa mới phủ lên.

## Chi tiết về công tác sơn lại

- Bề mặt phải khô và sạch sẽ trước khi sơn.

## Các lưu ý khác

- Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi khuyến nghị được đưa ra trong Bảng dữ liệu sản phẩm.

# Hempathane Topcoat 55210

## Lưu trữ

### Hạn dùng

Nhiệt độ môi trường	25°C [77°F]
Phần A	36 tháng
Chất đóng rắn	24 tháng

Thời hạn sử dụng khi bảo quản trên kệ tính từ ngày sản xuất, khi bảo quản trong bao bì gốc, chưa mở. Sau thời hạn đó, phải kiểm tra lại chất lượng sản phẩm. Bảo quản ở nhiệt độ cao có thể làm giảm thời hạn sử dụng. Vui lòng tham khảo Hempel để được tư vấn.

### Điều kiện bảo quản

- Sản phẩm phải được bảo quản theo quy định pháp luật tại địa phương, tối đa 40°C [104°F], không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và tránh mưa và tuyết.
- Chất lưu hóa nhạy cảm với độ ẩm. Để ở nơi khô ráo và đóng chặt lọ sơn cho đến khi sử dụng.

## Khí thải carbon

Độ dày màng sơn khô	1 µm	1 mil
GWP (Tiềm ẩn Nóng lên Toàn cầu)	10,7 g CO <sub>2</sub> e/m <sup>2</sup>	0,056 lb CO <sub>2</sub> e/ft <sup>2</sup>

Lượng khí thải carbon dành cho 1 mét vuông / foot vuông diện tích bề mặt với độ dày màng sơn khô là 1 micron / mil.

Phạm vi này bao gồm nguyên liệu thô, vận chuyển nội địa đến nhà máy Hempel, quy trình sản xuất của Hempel và bất kỳ Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi nào phát ra trong quá trình sơn và quá trình đóng rắn sau khi sơn sản phẩm.

Giá trị được tính toán dựa trên màu sắc tiêu chuẩn được xác định trong PDS này. Giá trị có thể sẽ thay đổi theo màu sắc.

## Tài liệu bổ sung

Có các thông tin khác trên trang web của Hempel (<https://www.hempel.com/service-and-support/technical-guidelines>) hoặc trang web Hempel ở địa phương của bạn:

- Chú giải cho Bảng dữ liệu sản phẩm.
- Phương pháp sơn.
- Hướng dẫn sơn cho sản phẩm này.

Bảng dữ liệu sản phẩm này ("PDS") có liên quan đến sản phẩm được cung cấp ("Sản phẩm") và có thể được cập nhật liên tục. Theo đó, người mua/người áp dụng chỉ nên xem bảng PDS được cung cấp cùng với lô Sản phẩm có liên quan (không phải của phiên bản trước đó). Ngoài PDS, người mua/người áp dụng có thể nhận được một số hoặc tất cả các thông số kỹ thuật, báo cáo và/hoặc hướng dẫn được liệt kê dưới đây hoặc có sẵn từ trang web của Hempel trong mục 'Sản phẩm' tại [www.hempel.com](http://www.hempel.com) ("Tài liệu bổ sung"):

No.	Mô tả tài liệu	Địa điểm/y kiến
1.	Báo cáo kỹ thuật	Tư vấn cụ thể một lần được cung cấp theo yêu cầu cho các dự án cụ thể
2.	Thông số kỹ thuật	Chỉ phát hành cho các dự án cụ thể
3.	PDS	Tài liệu này
4.	Chú giải Bảng dữ liệu sản phẩm	Đăng trên <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a> và có thông tin liên quan về các thông số kiểm tra Sản phẩm
5.	Hướng dẫn thi công	Nếu có sẵn, tại <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a>
6.	Hướng dẫn kỹ thuật chung (ví dụ: cho thi công sơn và chuẩn bị bề mặt)	Nếu có sẵn, tại <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a>

Trong trường hợp có xung đột thông tin giữa PDS và Tài liệu bổ sung, thứ tự ưu tiên của thông tin sẽ theo thứ tự như quy định ở trên. Trong trường hợp như vậy, bạn cũng nên liên hệ với đại diện của mình tại Hempel để làm rõ. Hơn nữa, người mua/người áp dụng phải tuân thủ đầy đủ Bảng Dữ liệu An toàn được cung cấp cho mỗi Sản phẩm và cũng có thể được tải xuống từ [www.hempel.com](http://www.hempel.com).

Hempel sẽ không chịu trách nhiệm về khuyết tật Sản phẩm nếu Sản phẩm không được sử dụng theo các khuyến nghị và yêu cầu được nêu trong PDS có liên quan và Tài liệu bổ sung. Thông tin và các điều khoản miễn trừ trách nhiệm này áp dụng cho PDS này, Tài liệu bổ sung và bất kỳ loại tài liệu khác của Hempel liên quan đến Sản phẩm. Ngoài ra, Sản phẩm và tất cả các hồ trợ kỹ thuật được cung cấp đều tuân theo Điều kiện Bán hàng, Giao hàng và Dịch vụ chung của Hempel, trừ khi được thỏa thuận rõ ràng khác bằng văn bản.